

KẾ HOẠCH
Tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2024

Thực hiện Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch Tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2024 như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (Nghị định số 115/2020/NĐ-CP);

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 85/2023/NĐ-CP);

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2020/TT-BNV);

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

- Các Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp của Bộ Y tế và các Bộ, Ngành liên quan:

+ Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ;

+ Thông tư số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng;

+ Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

+ Thông tư số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

+ Thông tư số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng;

+ Thông tư số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số;

+ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BKHCN ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

+ Thông tư 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin;

+ Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Bộ Y tế về sửa đổi bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Công văn số 5032/BYT-TCCB ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Thông tư số 03/2022/TT-BYT;

+ Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

+ Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

+ Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông;

+ Thông tư số 26/2022/TT-BLĐTBXH ngày 12/12/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội;

- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Công văn số 4060/UBND-NC ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy đổi giá trị tương đương của chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;

- Quyết định 4705/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giao biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2024;

- Công văn số 2501/SNV-TCBC&TCPCP ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Sở Nội vụ về việc thông báo biên chế năm 2024 và các Quyết định về việc giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp y tế năm 2024 đã được Sở Y tế phê duyệt của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

- Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hướng dẫn số 700/HD-SNV ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Sở Nội vụ về một số vấn đề cụ thể thực hiện Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Công văn số 684/SNV-CCVC ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Sở Nội vụ về việc thỏa thuận nhu cầu, kế hoạch tuyển dụng viên chức Sở Y tế;

- Các văn bản khác có liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức tuyển dụng đủ số lượng viên chức theo yêu cầu, phù hợp với kế hoạch tinh giản biên chế của ngành Y tế đến năm 2024; tuyển dụng đúng số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và số lượng người làm việc chưa sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tuyển chọn những người có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực công tác theo yêu cầu của vị trí việc làm để bổ sung cho đội ngũ viên chức ngành Y tế nhằm mục đích nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Yêu cầu

- Tổ chức tuyển dụng viên chức nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật;
- Đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, khách quan;
- Đảm bảo tính cạnh tranh;
- Đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm;
- Mọi công dân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều được tham gia dự tuyển;
- Tuyển chọn đúng vị trí việc làm, bảo đảm đủ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của ngạch cần tuyển dụng theo quy định.

III. NHU CẦU TUYỂN DỤNG

- Tổng số người làm việc được giao năm 2024 của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (không bao gồm 03 bệnh viện là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn và Bệnh viện Mắt Bình Định) : 4.168.

- Tổng số viên chức hiện có mặt : 3.679.

- Nhu cầu tuyển dụng viên chức bác sĩ, dược sĩ đại học (bao gồm diện thu hút và diện không thu hút, cử tuyển) năm 2024: dự kiến tuyển dụng 249 chỉ tiêu (có kế hoạch riêng).

- **Tổng nhu cầu tuyển dụng viên chức: 211 chỉ tiêu.**

Trong đó:

+ **Tuyển tỉnh:** 27 chỉ tiêu.

+ **Tuyển huyện:** 155 chỉ tiêu.

+ **Tuyển xã:** 29 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm)

IV. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển

Thực hiện theo quy định của Luật Viên chức, Luật Sửa đổi bổ sung một

số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức (*theo mẫu đính kèm*);
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- e) Đủ sức khoẻ để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

2. Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển

- a) Về trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

Thực hiện Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Bộ Y tế về sửa đổi bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Công văn số 5032/BYT-TCCB ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Thông tư số 03/2022/TT-BYT và Đề án Vị trí việc làm.

- b) Về tin học và ngoại ngữ:

Đảm bảo vị trí việc làm yêu cầu trình độ công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ trong tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng và theo bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, cụ thể:

- Về tin học:

+ Các chức danh nghề nghiệp dự tuyển là Điều dưỡng hạng III, Hộ sinh hạng III, Kỹ thuật y hạng III, Y tế công cộng hạng III, Dinh dưỡng hạng III, Dân số viên hạng III, Kỹ sư hạng III, Quay phim hạng III, Chuyên viên, Kế toán viên, Kỹ thuật viên hạng IV, Nhân viên công tác xã hội: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo yêu cầu của vị trí việc làm.

+ Các chức danh nghề nghiệp dự tuyển là Điều dưỡng hạng IV, Hộ sinh hạng IV, Kỹ thuật y hạng IV, Dinh dưỡng hạng IV, Dân số viên hạng IV, Cán sự, Kế toán viên trung cấp, Y sĩ hạng IV, Dược hạng IV, Công nghệ thông tin hạng III, Văn thư viên trung cấp: Không yêu cầu có văn bằng, chứng chỉ về trình độ tin học (không yêu cầu kiểm tra văn bằng, chứng chỉ công nghệ thông tin cơ bản theo yêu cầu của vị trí việc làm).

- Về ngoại ngữ:

+ Các chức danh nghề nghiệp dự tuyển là Điều dưỡng hạng III, Hộ sinh hạng III, Kỹ thuật y hạng III, Y tế công cộng hạng III, Dinh dưỡng hạng III, Dân số viên hạng III, Kỹ sư hạng III, Quay phim hạng III, Chuyên viên, Kế toán

viên, Công nghệ thông tin hạng III: có khả năng sử dụng Tiếng Anh trình độ Bậc 2 và tương đương hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

+ Các chức danh nghề nghiệp dự tuyển là Kỹ thuật viên hạng IV, Nhân viên công tác xã hội: có khả năng Tiếng Anh trình độ Bậc 1 trở lên hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

+ Các chức danh nghề nghiệp dự tuyển là Điều dưỡng hạng IV, Hộ sinh hạng IV, Kỹ thuật y hạng IV, Dinh dưỡng hạng IV, Dân số viên hạng IV, Cán sự, Kế toán viên trung cấp, Y sĩ hạng IV, Dược hạng IV, Văn thư viên trung cấp, Không yêu cầu có văn bằng, chứng chỉ về trình độ ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm (không yêu cầu kiểm tra văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm).

(theo nhu cầu tuyển dụng tại Phụ lục 1, 2 và 3 đính kèm).

Thực hiện theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức:

- Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

+ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

+ Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số; là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số (đăng ký dự tuyển tại Trung tâm Y tế huyện Vân Canh, Trung tâm Y tế huyện An Lão, Trạm Y tế xã Canh Hiệp thuộc Trung tâm Y tế huyện Vân Canh, Trạm Y tế xã An Toàn và Trạm Y tế xã An Nghĩa thuộc Trung tâm Y tế huyện An Lão).

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

V. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TUYỂN DỤNG

1. Hình thức và nội dung tuyển dụng: Xét tuyển.

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 02 vòng như sau:

Việc tuyển dụng được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể:

a) Vòng 1:

- Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Kiểm tra các vị trí việc làm yêu cầu có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ trong tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng và theo bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm trong kỳ xét tuyển được thực hiện thông qua các văn bằng, chứng chỉ tin học và ngoại ngữ.

Nếu người đăng ký dự tuyển không có văn bằng, chứng chỉ phù hợp thì Hội đồng xét tuyển tổ chức sát hạch để đánh giá năng lực tin học và ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng. *(theo mục 1 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).*

Việc sát hạch để đánh giá năng lực trình độ công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm được thực hiện thông qua bài thi trắc nghiệm:

+ Hình thức đánh giá: Thông qua bài thi trắc nghiệm trên giấy.

+ Nội dung đánh giá:

Công nghệ thông tin cơ bản, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm, thời gian thi 30 phút.

Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm (ngoại ngữ sử dụng để đánh giá là Tiếng Anh Bậc 2, Tiếng Anh Bậc 1), thời gian thi 30 phút.

+ Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ của người dự tuyển được đánh giá là **“Đạt”** nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên.

Nếu đáp ứng đủ các điều kiện Vòng 1 thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Sau khi kết thúc việc kiểm tra điều kiện của người đăng ký dự tuyển tại Vòng 1, Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2.

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành.

- Hình thức thi: Thi viết (tự luận).

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.
- Thời gian thi: 180 phút (không kể thời gian chép đề).
- Thang điểm: 100 điểm.

2. Trình tự tuyển dụng và các quy định khác

Thực hiện theo quy định của Luật Viên chức, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

VI. ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

1. Đối tượng và điểm ưu tiên được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; khoản 2 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

2. Trường hợp người dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Mục VI thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm Vòng 2.

VII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể:

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 1 Mục VI của Kế hoạch này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành tại Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành tại Vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Giám đốc Sở Y tế quyết định người trúng tuyển.

3. Trường hợp đăng ký 02 nguyện vọng nhưng không trúng tuyển ở nguyện vọng 1 thì được xét ở nguyện vọng 2 nếu vị trí việc làm đăng ký ở nguyện vọng 2 vẫn còn chỉ tiêu tuyển dụng sau khi đã xét hết nguyện vọng 1, bao gồm cả việc xét nguyện vọng của người có kết quả trúng tuyển thấp hơn liền kề theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

Trường hợp có 02 người trở lên bằng điểm nhau ở nguyện vọng 2 thì người trúng tuyển được xác định theo quy định tại khoản 2 Mục VII.

Trường hợp vị trí việc làm vẫn còn chỉ tiêu tuyển dụng sau khi đã xét đủ 02 nguyện vọng thì căn cứ vào kết quả thi, Hội đồng thi báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định tuyển dụng đối với người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển ở vị trí việc làm tại đơn vị khác nhưng có cùng tiêu chuẩn, điều kiện với tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm tại đơn vị còn chỉ tiêu tuyển dụng, cùng Hội đồng thi, cùng áp dụng hình thức thi hoặc viết (Vòng 2) và chung đề thi. Người được tuyển dụng trong trường hợp này phải đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Mục VII. Đối với các vị trí việc làm không có người đăng ký dự tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định việc tuyển dụng theo quy định này.

Các vị trí việc làm thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng (*chi tiết nhu cầu tuyển dụng tại Phụ lục 4 đính kèm*).

4. Người không được tuyển dụng trong kỳ xét tuyển viên chức quy định tại Mục VII này không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

VIII. PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Phiếu đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

Thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng (*Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định*), trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

3. Địa điểm, hình thức nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

- Địa điểm: Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, số 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (quầy 12 Sở Y tế).
- Hình thức: trực tiếp hoặc trực tuyến (có hướng dẫn cụ thể riêng).

4. Người đăng ký dự tuyển viên chức kê khai đầy đủ các nội dung theo yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức và chịu trách nhiệm tính chính xác của các thông tin kê khai và tính hợp pháp của các văn bằng, chứng chỉ. Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Sở Y tế sẽ thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

IX. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG

- Thời gian dự kiến nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong tháng 04/2024 (sẽ có thông báo cụ thể sau).
- Sau khi kết thúc việc kiểm tra điều kiện của người dự tuyển tại Vòng 1; Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế thông báo thời gian và địa điểm tổ chức thi Vòng 2 chậm nhất 15 ngày trước khi tổ chức thi.
- Tài liệu, thời gian và địa điểm tổ chức thi tuyển: do Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế quyết định và thông báo trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

X. KINH PHÍ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG VÀ PHÍ TUYỂN DỤNG

1. Kinh phí tổ chức tuyển dụng

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

2. Phí tuyển dụng

Sở Y tế sẽ thông báo phí tuyển dụng sau khi tổng hợp danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế

- Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế do Giám đốc Sở Y tế quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng tuyển dụng viên chức gồm 05 hoặc 07 thành viên (theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

- Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đã biểu quyết. Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 8

Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và tại Điều 1, Điều 2 của Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

- Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Y tế trong quá trình tuyển dụng theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

2. Ban giám sát kỳ tuyển dụng viên chức Sở Y tế

Ban giám sát kỳ tuyển dụng viên chức Sở Y tế do Giám đốc Sở Y tế quyết định thành lập, có trách nhiệm giám sát kỳ tuyển dụng theo quy định Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

- Thông báo, niêm yết công khai tại trụ sở đơn vị và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có) về Kế hoạch Tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2024 và các văn bản có liên quan của Sở Y tế, Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế.

- Thực hiện ký kết hợp đồng làm việc; phân công người hướng dẫn tập sự; lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ viên chức đối với những người trúng tuyển theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch Tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2024. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có vướng mắc, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế kịp thời phản ánh về Sở Y tế để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, Thanh Tra, VP Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Lê Quang Hùng

PHỤ LỤC 1:
NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2024 - TUYỂN TỈNH

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TUYỂN TỈNH:	27								
I.	Bệnh viện Tâm thần Bình Định	1								
1		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành Chính	
II.	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	5								
1		2	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền: 01; Khoa Lao phổi và Lao - HIV - Kháng thuốc: 01	
2		1	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Khoa Cận lâm sàng	
3		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Tổng hợp - Điều dưỡng - Chỉ đạo tuyển	

[Signature]

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4		1	Chuyên viên	01.003	Đại học Quản trị văn phòng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành Chính	
III.	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	13								
1		6	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Nội Nhi: 01; Khoa Nội 1: 01; Khoa Nội 2: 01; Khoa PHCN: 02; Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh: 01.	
2		7	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng				Khoa Nội Nhi: 01; Khoa Nội 1: 01; Khoa Ngoại - Phụ: 01; Khoa Nội 2: 01; Khoa PHCN: 02; Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh: 01.	
IV.	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	1								
1		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổng hợp	
V.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	4								
1		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Khoa Dược - Vật tư y tế	

Handwritten signature

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
3		1	Quay phim hạng III	V11.12.37	Đại học ngành Quay phim	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	
4		1	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đại học ngành Hộ sinh; Hoặc Đại học Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản (tốt nghiệp trước ngày 10/6/2022).	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng khám đa khoa	
VI.	Trung tâm Giám định y khoa	1								
1		1	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Trung tâm Giám định y khoa	
VII.	Trung tâm Pháp y	2								
1		1	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Hành chính - Tổng hợp	
2		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Hành chính - Tổng hợp	

Tổng danh sách: 27 chỉ tiêu.

me

PHỤ LỤC 2:
NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2024 - TUYỂN HUYỆN

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TUYỂN HUYỆN:	155								
I.	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	40								
1		2	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Quản lý bệnh viện	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ: 01; Phòng Tổ chức - Hành chính: 01.	
2		2	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước.	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính	
3		2	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Thống kê	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ: 01; Phòng Tổ chức - Hành chính: 01.	
4		2	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	Cao đẳng ngành Công tác xã hội	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Điều dưỡng	
5		4	Kế toán viên trung cấp	06.032	Cao đẳng ngành Kế toán				Phòng Tài chính-Kế toán	
6		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	

Handwritten signature

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
8		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Khoa Dược-Trang thiết bị-Vật tư y tế	
9		12	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Nội: 02; Khoa Tim mạch-Nội tiết: 02; Khoa Truyền Nhiễm: 01; Khoa Răng hàm mặt-Mắt-Tai mũi họng: 02; Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn-Dinh dưỡng: 01; Khoa Hồi sức cấp cứu: 01; Khoa KSBT và HIV/AIDS, YTCC, ATTP: 02; Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức: 01.	
10		2	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	
11		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học				Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
12		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Báo chí và Truyền thông	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
13		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Khoa Xét nghiệm	
14		5	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng				Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng: 03; Khoa Ngoại: 02.	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
15		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Cao đẳng Y sĩ đa khoa				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
II.	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	7								
1		1	Kế toán viên	06.031	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tài chính - Kế toán	
2		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành chính	
3		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
4		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
5		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Thống kê	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
6		1	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	Đại học chuyên ngành Dinh dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	
7		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
III.	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	24								

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Xét nghiệm	
3		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm: 01; Khoa xét nghiệm: 01.	
4		2	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm: 01; Phòng Truyền thông và giáo dục sức khỏe: 01.	
5		1	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	Đại học chuyên ngành Dinh dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn, Dinh dưỡng thực phẩm	
6		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế - Kiểm soát nhiễm khuẩn	
7		5	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học ngành Điều dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Kế hoạch-Nghiệp vụ: 01; Phòng Điều dưỡng: 03; Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm: 01.	
8		6	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Nội: 02; Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc: 01; Khoa Truyền nhiễm: 01; Khoa khám bệnh: 02.	

Handwritten signature

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
9		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế - Kiểm soát nhiễm khuẩn	
10		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Kế hoạch - Nghiệp vụ	
11		1	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Kế hoạch - Nghiệp vụ	
12		1	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	Cao đẳng ngành Công tác xã hội	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Điều dưỡng	
13		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành chính	
IV.	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	17								
1		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Xét nghiệm	
2		1	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Khoa Xét nghiệm	
3		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học				Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
5		2	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính	
6		2	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	
7		3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học ngành Điều dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng: 01; Phòng Dân số - Truyền thông và GDSK: 01; Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn: 01	
8		1	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Đại học ngành Công nghệ thực phẩm	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	
9		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	
10		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	
11		1	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng				Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	
12		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Phòng khám đa khoa khu vực Cát Minh	

Handwritten signature

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
V.	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	11								
1		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
2		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
3		1	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	Đại học nhóm ngành Y tế công cộng; Hoặc đại học ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	
4		1	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính	
5		1	Cán sự	01.004	Cao đẳng Quản trị văn phòng				Phòng Tổ chức - Hành chính	
6		2	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	
7		1	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học ngành Điều dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	
8		1	Dinh dưỡng hạng IV	V.08.09.26	Cao đẳng ngành Dinh dưỡng				Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
9		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Thống kê	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	
10		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	
VI.	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	11								
1		3	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Nội - Nhi: 01; Khoa Truyền Nhiễm: 01; Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc: 01	
2		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
3		1	Dinh dưỡng hạng IV	V.08.09.26	Cao đẳng ngành Dinh dưỡng				Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	
4		1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	
5		2	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	Cao đẳng ngành Công tác xã hội	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Điều dưỡng	
6		2	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7		1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Cao đẳng ngành Kế toán				Phòng Tài chính - Kế toán	
VII.	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	12								
1		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
2		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
3		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành chính	
4		1	Dinh dưỡng hạng IV	V.08.09.26	Cao đẳng ngành Dinh dưỡng				Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	
5		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
6		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	
7		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng				Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
8		4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa cấp cứu - Hồi sức tích cực và chống độc: 02; Khoa ngoại: 01; Khoa Truyền nhiễm: 01	
VIII.	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	11								
1		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	
2		2	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm: 01; Khoa Khám bệnh, Cấp cứu - Hồi sức tích cực và chống độc: 01.	
3		1	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật phục hình răng				Khoa Ngoại, Phẫu thuật, Gây mê hồi sức, Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	
4		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng				Khoa Nội, Nhi, Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	
5		1	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	Đại học chuyên ngành Dinh dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	
6		1	Kế toán viên	06.031	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tài chính - Kế toán	
7		1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Cao đẳng ngành Kế toán				Phòng Tài chính - Kế toán	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
8		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Thống kê	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	
9		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Cận lâm sàng	
IX.	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	7								
1		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
2		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
3		1	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	Đại học nhóm ngành Y tế công cộng; Hoặc đại học ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	
4		1	Dinh dưỡng hạng IV	V.08.09.26	Cao đẳng ngành Dinh dưỡng				Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	
5		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Quản lý bệnh viện	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
6		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
X.	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	10								
1		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học				Khoa Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh	
2		2	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng: 01; Khoa Ngoại - Liên chuyên khoa: 01.	
3		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Thống kê	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	
4		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: thiết bị y tế, kỹ thuật thiết bị y tế, trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Khoa Dược-Trang thiết bị-Vật tư y tế và Kiểm soát nhiễm khuẩn.	
5		2	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật.	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính	
6		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số				Phòng Dân số	
7		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành chính	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
XI.	Trung tâm Y tế huyện An Lão	5								
1		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số				Phòng Dân số	
2		1	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước.	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán	
3		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán	
4		1	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Khoa dược - Cận lâm sàng	
5		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	

Tổng danh sách: 155 chỉ tiêu

Handwritten signature

PHỤ LỤC 3:
NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2024 - TUYỂN XÃ

TT	Tên đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TUYỂN XÃ:	29							
I.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	3							
1	<i>Trạm y tế xã Nhơn Lý</i>	2							
		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				
		1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				
2	<i>Trạm y tế xã Nhơn Hội</i>	1							
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				
II.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	2							
1	<i>Trạm Y tế xã Phước Lộc;</i>	1							
		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số				
2	<i>Trạm Y tế xã Phước An</i>	1							

mm

TT	Tên đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				
III.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	9							
1	<i>Trạm Y tế phường Đập Đá</i>	1							
		1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				
2	<i>Trạm Y tế phường Nhơn Thành</i>	1							
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa				
3	<i>Trạm y tế phường Nhơn Hưng</i>	1							
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa				
4	<i>Trạm Y tế xã Nhơn Phúc</i>	1							
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				
5	<i>Trạm Y tế xã Nhơn Thọ</i>	1							
		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số				
6	<i>Trạm Y tế xã Nhơn Tân</i>	1							
		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số				

mm

TT	Tên đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7	Trạm Y tế xã Nhơn Khánh	1							
		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				
8	Trạm Y tế xã Nhơn Hạnh	2							
		1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				
IV.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	2							
1	Trạm y tế xã Mỹ Tài	1							
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền				
2	Trạm y tế xã Mỹ Trinh	1							
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền				
V.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	3							
1	Trạm y tế xã Hoài Châu Bắc	1							
		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				
2	Trạm y tế phường Bồng Sơn	2							
		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				

TT	Tên đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				
VI.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	4							
1	<i>Trạm Y tế xã Ân Tín</i>	2							
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền				
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa				
2	<i>Trạm Y tế xã Ân Nghĩa</i>	1							
		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				
3	<i>Trạm Y tế xã Ân Phong</i>	1							
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa				
VII.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	3							
1	<i>Trạm Y tế xã Canh Vinh</i>	1							

Handwritten signature

TT	Tên đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				
2	<i>Trạm Y tế xã Canh Liên</i>	1							
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				
3	<i>Trạm y tế xã Canh Hiên</i>	1							
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				
VIII.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	2							
1	<i>Trạm Y tế xã Tây Thuận</i>	1							
		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số				
2	<i>Trạm Y tế xã Tây Giang</i>	1							
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa				
VIX.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện An Lão	1							
1	<i>Trạm Y tế xã An Vinh</i>	1							
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				

Tổng danh sách: 29 chỉ tiêu.

mm

PHỤ LỤC 4:
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ 2 NGUYỆN VỌNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2024

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng cộng:	203								
A	TUYỂN TỈNH:	24								
I.	Bệnh viện Tâm thần Bình Định	1								
1		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành Chính	
II.	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	4								
1		2	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền: 01 ; Khoa Lao phổi và Lao - HIV - Kháng thuốc: 01	
2		1	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Khoa Cận lâm sàng	
3		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Tổng hợp- Điều dưỡng-Chỉ đạo tuyển	
III.	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	13								

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1		6	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Nội Nhi: 01; Khoa Nội 1: 01; Khoa Nội 2: 01; Khoa PHCN: 02; Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh: 01.	
2		7	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng				Khoa Nội Nhi: 01; Khoa Nội 1: 01; Khoa Ngoại - Phụ: 01; Khoa Nội 2: 01; Khoa PHCN: 02; Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh: 01.	
IV.	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	1								
1		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổng hợp	
V.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	2								
1		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Khoa Dược - Vật tư y tế	
2		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
VI.	Trung tâm Giám định y khoa	1								
1		1	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Trung tâm Giám định y khoa	
VII.	Trung tâm Pháp y	2								

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1		1	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Hành chính - Tổng hợp	
2		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Hành chính - Tổng hợp	
B	TUYỂN HUYỆN:	150								
I.	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	38								
1		2	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Quản lý bệnh viện	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ: 01; Phòng Tổ chức - Hành chính: 01.	
2		2	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước.	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính	
3		2	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Thống kê	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ: 01; Phòng Tổ chức - Hành chính: 01.	
4		2	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	Cao đẳng ngành Công tác xã hội	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Điều dưỡng	
5		4	Kế toán viên trung cấp	06.032	Cao đẳng ngành Kế toán				Phòng Tài chính-Kế toán	
6		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
8		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
9		12	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Nội: 02; Khoa Tim mạch-Nội tiết: 02; Khoa Truyền Nhiễm: 01; Khoa Răng hàm mặt: 01; Khoa Mắt-Tai mũi họng: 02; Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn-Dinh dưỡng: 01; Khoa Hồi sức cấp cứu: 01; Khoa KSBT và HIV/AIDS, YTCC, ATTP: 02; Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức: 01.	
10		2	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh				Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	
11		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học				Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
12		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Khoa Xét nghiệm	
13		5	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng				Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng: 03; Khoa Ngoại: 02.	
II.	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	7								
1		1	Kế toán viên	06.031	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tài chính - Kế toán	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành chính	
3		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
4		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
5		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Thống kê	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
6		1	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	Đại học chuyên ngành Dinh dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	
7		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
III.	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	24								
1		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Xét nghiệm	
3		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm: 01; Khoa xét nghiệm: 01.	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4		2	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm: 01; Phòng Truyền thông và giáo dục sức khỏe: 01.	
5		1	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	Đại học chuyên ngành Dinh dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn, Dinh dưỡng thực phẩm	
6		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế - Kiểm soát nhiễm khuẩn	
7		5	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học ngành Điều dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Kế hoạch-Nghiệp vụ: 01; Phòng Điều dưỡng: 03; Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm: 01.	
8		6	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Nội: 02; Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc: 01; Khoa Truyền nhiễm: 01; Khoa khám bệnh: 02.	
9		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế - Kiểm soát nhiễm khuẩn	
10		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Kế hoạch - Nghiệp vụ	
11		1	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Kế hoạch - Nghiệp vụ	
12		1	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	Cao đẳng ngành Công tác xã hội	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Điều dưỡng	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
13		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành chính	
IV.	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	16								
1		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Xét nghiệm	
2		1	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Khoa Xét nghiệm	
3		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
4		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học				Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
5		2	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính	
6		2	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	
7		3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học ngành Điều dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng: 01; Phòng Dân số - Truyền thông và GDSK: 01; Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn: 01	
8		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
9		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	
10		1	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng				Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	
12		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Phòng khám đa khoa khu vực Cát Minh	
V.	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	10								
1		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
2		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
3		1	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	Đại học nhóm ngành Y tế công cộng; Hoặc đại học ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	
4		1	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính	
5		2	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	
6		1	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học ngành Điều dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7		1	Dinh dưỡng hạng IV	V.08.09.26	Cao đẳng ngành Dinh dưỡng				Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	
8		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Thống kê	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	
9		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	
VI.	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	11								
1		3	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Nội - Nhi: 01; Khoa Truyền Nhiễm: 01; Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc: 01	
2		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
3		1	Dinh dưỡng hạng IV	V.08.09.26	Cao đẳng ngành Dinh dưỡng				Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	
4		1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	
5		2	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	Cao đẳng ngành Công tác xã hội	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Điều dưỡng	
6		2	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7		1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Cao đẳng ngành Kế toán				Phòng Tài chính - Kế toán	
VII.	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	12								
1		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
2		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
3		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành chính	
4		1	Dinh dưỡng hạng IV	V.08.09.26	Cao đẳng ngành Dinh dưỡng				Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	
5		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
6		1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	
7		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng				Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	
8		4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa cấp cứu - Hồi sức tích cực và chống độc:02; Khoa ngoại: 01; Khoa Truyền nhiễm: 01	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
VIII.	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	10								
1		1	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	
2		2	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm: 01; Khoa Khám bệnh, Cấp cứu - Hồi sức tích cực và chống độc: 01.	
3		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng				Khoa Nội, Nhi, Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	
4		1	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	Đại học chuyên ngành Dinh dưỡng	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	
5		1	Kế toán viên	06.031	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tài chính - Kế toán	
6		1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Cao đẳng ngành Kế toán				Phòng Tài chính - Kế toán	
7		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Thống kê	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	
8		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Cận lâm sàng	
IX.	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	7								

nhu

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
2		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	
3		1	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	Đại học nhóm ngành Y tế công cộng; Hoặc đại học ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	
4		1	Dinh dưỡng hạng IV	V.08.09.26	Cao đẳng ngành Dinh dưỡng				Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	
5		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Quản lý bệnh viện	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
6		1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương			Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	
7		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	
X.	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	10								
1		2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học				Khoa Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh	
2		2	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng				Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng: 01; Khoa Ngoại - Liên chuyên khoa: 01.	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3		1	Chuyên viên	01.003	Đại học ngành Thống kê	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	
4		1	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: thiết bị y tế, kỹ thuật thiết bị y tế, trang thiết bị y tế	Tiếng anh Bậc 1 trở lên	CNTT cơ bản và tương đương		Khoa Khoa Dược-Trang thiết bị-Vật tư y tế và Kiểm soát nhiễm khuẩn.	
5		2	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật.	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính	
6		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số				Phòng Dân số	
7		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức - Hành chính	
XI.	Trung tâm Y tế huyện An Lão	5								
1		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số				Phòng Dân số	
2		1	Chuyên viên	01.003	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước.	Tiếng anh Bậc 2 và tương đương	CNTT cơ bản và tương đương		Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán	
3		1	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ				Phòng Tổ chức-Hành chính - Kế toán	
4		1	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Khoa dược - Cận lâm sàng	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa				Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	
C	TUYỂN XÃ:	29								
I.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	3								
1	Trạm y tế xã Nhơn Lý	2								
		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược					
		1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng					
2	Trạm y tế xã Nhơn Hội	1								
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh					
II.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	2								
1	Trạm Y tế xã Phước Lộc	1								
		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số					
2	Trạm Y tế xã Phước An	1								
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh					
III.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	9								
1	Trạm Y tế phường Đập Đá	1								

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng					
2	Trạm Y tế phường Nhơn Thành	1								
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa					
3	Trạm y tế phường Nhơn Hưng	1								
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa					
4	Trạm Y tế xã Nhơn Phúc	1								
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh					
5	Trạm Y tế xã Nhơn Thọ	1								
		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số					
6	Trạm Y tế xã Nhơn Tân	1								
		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số					
7	Trạm Y tế xã Nhơn Khánh	1								
		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược					
8	Trạm Y tế xã Nhơn Hạnh	2								
		1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng ngành Điều dưỡng					

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh					
IV.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	2								
1	<i>Trạm y tế xã Mỹ Tài</i>	1								
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền					
2	<i>Trạm y tế xã Mỹ Trinh</i>	1								
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền					
V.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	3								
1	<i>Trạm y tế xã Hoài Châu Bắc</i>	1								
		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược					
2	<i>Trạm y tế phường Bồng Sơn</i>	2								
		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược					
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh					
VI.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	4								
1	<i>Trạm Y tế xã Ân Tín</i>	2								
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền					

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa					
2	Trạm Y tế xã Ân Nghĩa	1								
		1	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng ngành Dược					
3	Trạm Y tế xã Ân Phong	1								
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa					
VII.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	3								
1	Trạm Y tế xã Canh Vinh	1								
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh					
2	Trạm Y tế xã Canh Liên	1								
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh					
3	Trạm y tế xã Canh Hiến	1								
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh					
VIII.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	2								
1	Trạm Y tế xã Tây Thuận	1								
		1	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số					

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng			Yêu cầu tiêu chuẩn dự tuyển				Vị trí việc làm sau khi được tuyển dụng (Khoa. Phòng)	Ghi chú
		Số lượng	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp cần tuyển	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Tiêu chuẩn khác		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Trạm Y tế xã Tây Giang	1								
		1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ đa khoa					
VIX.	Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện An Lão	1								
1	Trạm Y tế xã An Vinh	1								
		1	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh					

Tổng danh sách: 203 chỉ tiêu.

rule